TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh L.

(Chị L xin vắng mặt; Anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng L trình bày tóm tắt như sau:

Chị và anh Nguyễn Thành S cưới nhau năm 2006, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh S không lo làm ăn, lại thường xuyên ăn chơi gây

nợ nần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên đã không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 21/02/2008, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thành S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc chị L xin ly hôn, nhưng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Sơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Thành S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S: Chị L và anh S cưới nhau năm 2006, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2007, nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh S là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L thấy rằng: Chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh S không lo làm ăn, lại còn ăn chơi gây nợ nần, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi chị L nộp đơn khởi kiện, được Tòa án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử, mặc dù anh S đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc chị L xin ly hôn, nhưng anh S cũng không có ý kiến phản hồi cho Tòa án, không thể hiện ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 21/02/2008, đã trên 07 tuổi và có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với chị L trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Anh S không có ý kiến nào phản đối yêu cầu của chị L về quyền nuôi con chung. Căn cứ quy định tại

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Thành S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 21/02/2008.

3. Anh S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S theo quy định của pháp luật. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh S.

4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị L, anh S, người thân thích của cháu L, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002669 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang thi hành án phí, nên chị Loan không phải nộp tiếp. Anh Nguyễn Thành S không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh